Mô hình Use case <Quản lý cửa hàng bán giày>

Version <x.y>

Sinh viên thực hiện:

<1612212 – Nguyễn Đình Hoàng>

<1612225 – Trần Phi Hùng>

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| <10/06/2019> | <x.y> | Sửa lại sơ đồ use case | Hùng, Hoàng |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc369450773)

[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc369450774)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc369450775)

[4. Đặc tả Use-case 3](#_Toc369450776)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tên Use-case” 3](#_Toc369450777)

# Sơ đồ Use-case

*Anh/Chị hãy trình bày hình vẽ sơ đồ Use-case trong phần này*



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Người Dùng | Quản lý cửa hàng giày dép |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Xem danh sách đơn hàng | Quản lý danh sách các đơn hàng. |
| 2 | Xóa đơn hàng | Xóa các đơn hàng sau 1 khoảng thời gian dài |
| 3 | Sửa tình trạng đơn hàng | Chỉnh sửa thông tin khi khách hàng trả sản phẩm hoặc đã nhận được sản phẩm khi ship. |
| 4 | Xem danh sách sản phẩm bán | Hiện thị các sản phẩm để chọn bán. |
| 5 | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| 6 | Xem giỏ hàng | Xem và chỉnh sửa các thông tin các sản phẩm khách hàng mua |
| 7 | Thanh toán | Tính tiền |
| 8 | Tìm lọc sản phẩm | Tìm sản phẩm theo tên hoặc theo loại sản phẩm, mức giá |
| 9 | Nhập thông tin khách hàng | Lấy thông tin khác hàng cho đơn hàng tương ứng nếu đổi trả còn đối chiếu. |
| 10 | Xem danh sách sản phẩm để quản lý | Hiện thị danh sách sản phẩm để người dùng dễ quản lý. |
| 11 | Thêm khuyến mãi | Thêm các loại khuyến mãi |
| 12 | Thêm loại sản phẩm | Thêm các loại sản phẩm mới |
| 13 | Thêm sản phẩm | Thêm các sản phẩm mới |
| 14 | Sửa thông tin sản phẩm | Chỉnh sửa thông tin sản phẩm khi có cập nhật mới hoặc thông tin ban đầu sai. |
| 15 | Xóa thông tin sản phẩm | Xóa các sản phẩm cần xóa. |
| 16 | Đăng nhập | Đăng nhập để có thể sử dụng app. |
| 17 | Tìm lọc sản phẩm bán | Tìm, lọc sản phẩm để bán theo loại sản phẩm hoặc giá. |

# Đặc tả Use-case

***Ghi chú: Với mỗi Use-case, đặc tả nội dung của Use-case theo template sau:***

## Đặc tả Use-case “Tên Use-case”

### Tóm tắt

*Tóm tắt ngắn gọn về Use-case (ai sử dụng use-case, dùng use-case để thực hiện chức năng gì, ý nghĩa của use-case…)*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính*

*Nên đánh số thứ tự các bước trong dòng sự kiện chính*

#### Các dòng sự kiện khác

*Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Ghi nhận các yêu cầu đặc biệt khi thực hiện Use-case. Nếu không có yêu cầu đặc biệt nào, ghi “Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).*

### Điểm mở rộng

*Mô tả những tình huống xuất hiện các Use-case khác có quan hệ <<extend>> với Use-case đang xét.*

*Use Case 1*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Xem danh sách đơn hàng |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Quản lí đơn hàng” sẽ hiện danh sách đơn hàng, có thể tìm kiếm đơn hàng theo mã, theo tên |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng Quản lí đơn hàng 2. Hiện danh sách đơn hàng( có thể có đơn hàng hoặc không) |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Đã đăng nhập |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện danh sách đơn hàng khi thực hiện Use Case |
| Điểm mở rộng | 1. Xóa đơn hàng. 2. Sửa đơn hàng. |

Use Case 2

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case | Xóa đơn hàng |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Quản lí đơn hàng”, tiếp theo người dùng chọn chứng năng “Xóa Đơn hàng” để xóa đơn hàng theo ý muốn. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Quản lí đơn hàng” 2. Chọn đơn hàng cần xóa 3. Chọn “Xóa”. 4. Hiện thị thông báo xóa thành công |
| Dòng sự kiện khác | 1. Khác hàng không thực hiện được chức năng này khi không có đơn hàng nào |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc có đơn hàng trong giỏ hàng |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách đơn hàng. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách đơn hàng sau khi thực hiện Use Case. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 3

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Sửa đơn hàng |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Quản lí đơn hàng”, tiếp theo người dùng chọn chứng năng ‘Sửa Đơn hàng” để xóa đơn hàng theo ý muốn. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Quản lí đơn hàng” 2. Chọn chức năng “Sửa đơn hàng” 3. Chỉnh sửa các thông tin cần thay đổi ấn Xong. 4. Thông báo thành công khi thực hiện xong. |
| Dòng sự kiện khác | 1. Chọn chức năng “Quản lí đơn hàng” 2. Chọn chức năng “Sửa đơn hàng” 3. Chỉnh sửa các thông tin cần thay đổi ấn Xong. 4. Thông báo không thành công do nhập sai kiểu dữ liệu thay đổi. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc có đơn hàng trong giỏ hàng |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện danh sách đơn hàng |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị đơn hàng thực hiện Use Case |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 4

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Xem danh sách sản phẩm bán |
| Tóm tắt | Sau khi đăng nhập, người dùng chọn chứng năng “Xem danh sách sản phẩm bán” sẽ hiện danh sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm bán” 2. Hiện thị danh sách sản phẩm |
| Dòng sự kiện khác | Khác hàng không thực hiện được chức năng này khi không có sản phẩm nào. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc có sản phẩm bán |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Đã đăng nhập |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách các sản phẩm |
| Điểm mở rộng | Use Case “ Thêm sản phẩm vào giỏ hàng”  Use Case “ Xem giỏ hàng” |

Use Case 5

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Tóm tắt | Người dùng chọn sản phẩm cần thêm vào giỏ hàng sau đó chọn nút thêm vào giỏ hàng. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm bán” 2. Chọn sản phẩm cần thêm vào giỏ hàng 3. Chọn nút thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Dòng sự kiện khác | Khác hàng không thực hiện được chức năng này khi không có sản phẩm nào. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc có sản phẩm bán |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện danh sách sản phẩm bán |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | 1. Hiện đơn hàng khi thực hiện Use Case. 2. Hệ thống không thay đổi |
| Điểm mở rộng | 1. Use case “Xóa sản phẩm” 2. Use case “ Them sản phẩm” |

Use Case 6

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Xem giỏ hàng |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Xem giỏ hàng” sẽ hiện danh sản phẩm đã chọn chỉnh sửa số lượng sản phẩm cần mua. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm bán 2. Chọn chức năng “Xem giỏ hàng” 3. Hiện thị giỏ hàng |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện danh sách sản phẩm bán |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện danh sách |
| Điểm mở rộng | 1. Use case “ Xóa sản phẩm ” 2. Use case “ Thêm sản phẩm ” 3. Use case “ Sửa sản phẩm ” |

Use Case 7

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Thanh toán |
| Tóm tắt | Sau khi chọn sản phẩm, người dùng thực hiện chức năng “Thanh toán” để hoàn tất mua sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem giỏ hàng” 2. Chọn chức năng “Thanh toán” 3. Nhập thông tin khách hàng và các thông tin cần thiết. 4. Ấn thanh toán. 5. Thông báo thành công khi thực hiện xong. |
| Dòng sự kiện khác | 1 ->2 -> Báo lỗi không có sản phẩm trong giỏ hàng.  1-> 2-> 3->4-> Thông báo thanh toán thất bại do nhập sai thông tin. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện thị giỏ hàng |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị thông báo thành công khi thực hiện thành công, thất bại khi thực hiện lỗi. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 8

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Xem lọc sản phẩm |
| Tóm tắt | Người dùng nhập tên sản phẩm cần tìm, hoặc chọn loại sản phẩm, mức giá cần tìm. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem sản phẩm " 2. Nhập tên sản phẩm, hoặc chọn loại sản phẩm mức giá cần tìm 3. Màn hình hiển thị các sản phẩm phù hợp. |
| Dòng sự kiện khác | Khác hàng không thực hiện được chức năng này khi không có sản phẩm nào. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc sản phẩm có trong giỏ hàng |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách sản phẩm |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | 1. Hiện hóa đơn của đơn hàng. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 9

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Nhập thông tin khách hàng |
| Tóm tắt | Người dùng nhập thông tin khách hàng để tiến hành hoàn tất thanh toán. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “ Xem sản phẩm bán” 2. Chọn chức năng “Xem giỏ hàng” 3. Chọn chức năng “Thanh toán” 4. Nhập thông tin khách hàng. |
| Dòng sự kiện khác | Khác hàng không thực hiện được chức năng này khi không có sản phẩm nào. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc có sản phẩm bán |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện form thông tin khách hàng |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị giỏ hàng. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 10

|  |  |
| --- | --- |
| Chưa làm |  |
| Tên Use Case | Xem danh sách sản phẩm để quản lý |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Xem danh sách sản phẩm quản lý” sẽ hiện danh sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “ Quản lí sản phẩm ” 2. Hiện thị danh sách các sản phẩm |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Đã đăng nhập |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách sản phẩm |
| Điểm mở rộng | Use case “Xóa loại sản phẩm”  Use case “Thêm loại sản phẩm”  Use case “Sửa loại sản phẩm”  Use case “Thêm loại sản phẩm”  Use case “Xóa loại sản phẩm” |

Use Case 11

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Thêm khuyến mãi |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “thêm khuyến mãi” để xóa các loại sản phẩm người dùng muốn. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm để quản lý” 2. Chọn thêm khuyến mãi 3. Nhập thông tin của khuyến mãi 4. Ấn thêm khuyễn mãi để lưu 5. Thông báo thành công. |
| Dòng sự kiện khác | 1-> Không có sản phẩm để xóa.  1-> 2->3->4-> Thông báo thất bại nếu sai thông tin. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Bắt buộc có loại sản trong giỏ hàng. |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách sản phẩm. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện danh sách loại sản phẩm còn lại. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 12

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Thêm loại sản phẩm |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Thêm loại sản phẩm” để thêm các loại sản phẩm khác người dùng muốn. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm để quản lý” 2. Chọn chức năng “Thêm loại sản phẩm” 3. Nhập thông tin loại sản phẩm mới. 4. Ấn nút thêm báo thành công. |
| Dòng sự kiện khác | 1->2->3-> Ấn nút thêm thông báo trùng nếu loại sản phẩm đã có. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện danh sách sản phẩm |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Về lại danh sách các sản phẩm quản lý. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 13

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Thêm sản phẩm |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Thêm sản phẩm” để thêm các loại sản phẩm khác người dùng muốn. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm để quản lý” 2. Chọn chức năng “Thêm sản phẩm” 3. Nhập thông tin sản phẩm mới. 4. Ấn thêm để hoàn tất, thông báo thêm sản phẩm thành công. |
| Dòng sự kiện khác | 1->2->3-> Ấn thêm, báo không thành công nếu thông tin thiếu hoặc không chính xác. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện danh sách sản phẩm quản lý |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách sản phẩm quản lý bao gồm cả sản phẩm mới đã thêm. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 14

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Sửa thông tin sản phẩm |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Sửa thông tin sản phẩm” để sửa thông tin các sản phẩm. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm để quản lý” 2. Chọn chức năng “Sửa thông tin sản phẩm” 3. Sửa lại thông tin sản phẩm cần thay đổi. 4. Ấn lưu, thông báo lưu thay đổi thành công. |
| Dòng sự kiện khác | 1->2->3-> Ấn lưu, báo không thành công do thông tin sai.  1->2-> Ấn hủy để thoát. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện form điền thông tin sản phẩm. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thông tin sản phẩm vừa chỉnh sửa. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 15

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Xóa sản phẩm |
| Tóm tắt | Người dùng chọn chứng năng “Sửa thông tin sản phẩm” để sửa các sản phẩm. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng “Xem danh sách sản phẩm để quản lý” 2. Chọn chức năng “Xóa sản phẩm” 3. Thông báo có muốn xóa không 4. Ấn yes, báo xóa thành công. |
| Dòng sự kiện khác | 1->2->3-> Ấn no để hủy. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Có sản phẩm trong giỏ hàng |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Hiện danh sách các sản phẩm quản lý. |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Hiện thị danh sách các sản phẩm sau khi xóa. |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 16

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Đăng nhập |
| Tóm tắt | Người dùng đăng nhập để có thể sử dụng app |
| Dòng sự kiện chính | 1. Nhập tài khoản, mật khẩu 2. Chọn đăng nhập. 3. Hiện thị màn hình bán. |
| Dòng sự kiện khác | 1->2->Báo thông tin đăng nhập sai. |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Không có |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Không có |
| Điểm mở rộng | Không có |

Use Case 17

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tên Use Case | Tìm, lọc sản phẩm bán |
| Tóm tắt | Tìm kiếm các sản phẩm cần cho vào giỏ hàng theo tên hoặc loại sản phẩm hoặc giá. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Nhập tên hoặc chọn loại sản phẩm, giá 2. Màn hình hiện thị các sản phẩm phù hợp |
| Dòng sự kiện khác | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case | Không có |
| Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use Case | Không có |
| Điểm mở rộng | Không có |